TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình (Ly hôn).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đỗ Thị Minh Loan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Xuân Sơn
Ông Nguyễn Xuân Chức

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Mơ - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tham gia phiên toà**: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát V**.**

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2019/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1957 (Có mặt)
Địa chỉ: Cụm 6, xã T, huyện P, TP Hà Nội.
- *Bị đơn*: Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1957. (Có mặt)
Địa chỉ: Cụm 6, xã T, huyện P, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai của các bên thì vụ án có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị V kết hôn do tự nguyện tìm hiểu. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 1976. Sau khi cưới, ông bà chung sống cùng nhau tại Cụm 6, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Theo ông M, trong quá trình chung sống, ông bà chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách của của hai ông bà khác biệt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô xát. Ông bà sống với nhau không có hạnh phúc. Tuy sống chung một nhà nhưng bà V không có trách nhiệm với gia đình, không thích lao động. Kinh tế trong gia đình do một mình ông cáng đáng từ nhiều năm nay, bà V không quan tâm gì đến.

Từ khoảng 06 năm nay, ông bà sống ly thân. Ông sống ở trang trại của gia đình ngoài đê, giáp ranh địa phận xã T.T còn bà V sống cùng vợ chồng con trai út tại Cụm 6, xã T. Ông bà không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hai ông bà cũng không thể nói chuyện cùng nhau. Thời gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay nhưng ông cố gắng sống vì các con. Đến nay, các con đã trưởng thành, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà V để ông giải thoát khỏi cuộc sống vợ chồng như hiện tại.

Theo bà V, trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà hạnh phúc bình thường. Hai vợ chồng làm ăn để nuôi dạy con cái, thi thoảng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ. Từ năm 2014, ông M có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Bà và các con cũng đã khuyên giải nhưng ông M vẫn không thay đổi nên bà cũng mặc kệ. Từ đó ông bà sống ly thân cho đến nay, ông M sống ở ngoài trang trại còn bà sống cùng vợ chồng con trai út tại Cụm 6, xã T. Bà và ông M không thể nói chuyện với nhau và cũng không quan tâm gì cuộc sống của nhau nữa. Tình trạng này kéo dài đã nhiều năm nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng với ông M không còn, không thể hàn gắn với nhau nữa. Tuy nhiên vì các con đã trưởng thành, bà không muốn các con xấu hổ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung là: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1981 và anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Các con ông bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản: Ông bà không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa, ông M giữ nguyên quan điểm, kiên quyết xin ly hôn. Ông khai toàn bộ tài sản ông bà đã tự giải quyết thỏa thuận xong, vợ chồng có 02 khối đất nhà thì ông bà đã bán đất nhà mà cha ông để lại cho ông để trả gần hết nợ, số tiền còn lại, ông giao cho bà V 250.000.000đ tiền mặt để dưỡng già, còn khối đất nhà vợ chồng mua và xây dựng được thì đã làm thủ tục cho bà V đứng tên toàn bộ. Ông cho rằng: Việc bà V đòi đứng tên toàn bộ tài sản đã thể hiện bà V đã đoạn tình với ông.

Còn bà V vẫn không đồng ý ly hôn, bà trình bày nếu ông V đồng ý chia nốt tài sản là trang trại thì bà mới đồng ý ly hôn, tuy nhiên bà không có giấy tờ gì về tài sản để chứng minh yêu cầu của mình. Theo bà thì bà vẫn còn tình cảm với ông, các con đều đã lớn nên ông bà không cần ly hôn mà chỉ cần vẫn cứ ly thân như vậy, ông muốn đi đâu thì đi, bà không ngăn cản.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng, các thời hạn tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa ông M và bà V đã trầm trọng, ông bà đã ly thân kéo dài nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, cho ông M được ly hôn bà Lê Thị V.

Về con chung: Các con chung của ông M và bà V đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

Về tài sản: Ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông M và bà V đều có địa chỉ nơi cư trú là Cụm 6, xã T, huyện P, TP Hà Nội. Ông M khởi kiện xin ly hôn với bà V. Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của ông M là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị V kết hôn hợp pháp, ông bà có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội vào năm 1976. Trong quá trình chung sống, ông M cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, ông bà đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Theo ông M thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách của của hai ông bà khác biệt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô xát. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng 06 năm nay. Ông bà không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Bà V xác nhận ông bà đã ly thân nhiều năm nay, ông bà không thể nói chuyện với nhau và cũng không quan tâm gì cuộc sống của nhau nữa. Bà xác định bản thân bà muốn bỏ, ông bà không thể hàn gắn được nữa nhưng do các con đã lớn nên bà không đồng ý ly hôn mà đề nghị ông M cứ sống ly thân như hiện nay.

Tòa án đã tiến hành xác M tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng của ông M và bà V, cũng như lấy lời khai của con trai ông bà thì đều được biết ông M và bà V đã sống ly thân từ nhiều năm nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, tình trạng mâu thuẫn khó có thể hàn gắn được.

Điều này cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông bà diễn ra trong thời gian rất dài, hai bên không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Việc bà V đưa ra giải pháp về việc ông bà không cần ly hôn mà vẫn tiếp tục ly thân như lâu nay cho thấy, giải pháp này là giải pháp tiêu cực, càng chứng minh mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét thấy vợ chồng ông M và bà V có mâu thuẫn kéo dài, hai người đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn M.

2.2. Về con chung: Do các con chung của ông bà đã trưởng thành nên HĐXX không đề cập xem xét.

2.3. Về tài sản: Ông M không yêu cầu chia tài sản. Bà V có ý kiến: Nếu ông M muốn ly hôn thì ông M phải chia các tài sản còn lại là 02 trang trại ở huyện P và 01 trang trại ở huyện Th, tỉnh Ph nhưng bà không có tài liệu, giấy tờ gì để chứng minh và nộp cho Tòa án để yêu cầu chia. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết về phần tài sản trong vụ án này. Nếu sau này các bên chứng minh được có tài sản chung và có yêu cầu chia thì sẽ được quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Do ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: + Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn M được ly hôn bà Lê Thị V.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Về con chung: Các con chung của ông M và bà V đều đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

+ Về tài sản: Do ông M và bà V không yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được quyền khởi kiện, giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn M.

Căn cứ vào Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị M Loan

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vân Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị M Loan